

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	02-03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	05-06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	08-09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10-52

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Damsan (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Công ty đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Huy Đông	Chủ tịch	
Ông Đỗ Văn Khôi	Ủy viên	
Ông Nguyễn Lê Hùng	Ủy viên	
Ông Vũ Huy Đức	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 24/4/2021
Ông Lê Văn Tuấn	Ủy viên	
Ông Phạm Văn Thượng	Ủy viên	

Ban Điều hành

Ông Vũ Huy Đức	Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 27/4/2021
Bà Vũ Phương Diệp	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vương Quốc Dương	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Xuân Chiến	Phó Tổng Giám đốc	

Ban Kiểm soát

Bà Phạm Thị Hối	Trưởng ban
Bà Vũ Thùy Linh	Thành viên
Bà Tạ Thị Thu Hiền	Thành viên

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành



Vũ Huy Đông

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Thái Bình, ngày 25 tháng 01 năm 2022



Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam
Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà Sudico, đường Mễ Trì
P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
Tel: (+84 24) 3868 9566 / (+84 24) 3868 9588
Fax: (+84 24) 3868 6248
Web: kiemtoanava.com.vn

Số: 197 /BCKT/AVA/NV8

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
Công ty Cổ phần DamSan

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần DamSan (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 01 năm 2022, từ trang 05 đến trang 52, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần DamSan tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam



Nguyễn Bảo Trung
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN Kiểm toán số: 0373-2018-126-1

Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2022

Trần Thị Chúc
Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN Kiểm toán số: 3278-2020-126-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

MÀU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.605.935.761.362	1.519.089.292.994
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	126.890.821.732	36.513.085.599
1. Tiền	111		126.805.821.732	36.428.085.599
2. Các khoản tương đương tiền	112		85.000.000	85.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	271.926.234.299	334.080.686.011
1. Chứng khoán kinh doanh	121		30.000.000.000	28.500.000.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		241.926.234.299	305.580.686.011
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		614.230.059.133	663.905.444.963
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	199.056.892.540	226.864.858.633
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	179.476.731.732	246.534.553.110
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	110.040.258.070	69.245.268.061
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	145.065.910.587	134.237.675.864
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(19.409.733.796)	(12.976.910.705)
IV. Hàng tồn kho	140	12	568.429.137.567	474.923.821.249
1. Hàng tồn kho	141		568.429.137.567	475.043.255.577
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(119.434.328)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		24.459.508.631	9.666.255.172
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	16	520.733.676	394.781.676
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		23.912.351.900	6.727.179.209
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	26.423.055	2.544.294.287
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		379.232.838.690	318.801.829.906
II. Tài sản cố định	220		224.755.548.618	273.849.646.329
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	223.841.295.507	272.839.127.898
- Nguyên giá	222		559.096.199.126	584.709.460.976
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(335.254.903.619)	(311.870.333.078)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	914.253.111	1.010.518.431
- Nguyên giá	228		2.285.306.375	2.285.306.375
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.371.053.264)	(1.274.787.944)
III. Bất động sản đầu tư	230	15	-	-
- Nguyên giá	231		14.540.799.490	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(14.540.799.490)	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.938.339.273	895.936.255
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.938.339.273	895.936.255
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	140.094.596.119	32.794.645.466
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		140.094.596.119	32.794.645.466
VI. Tài sản dài hạn khác	260		12.444.354.680	11.261.601.856
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	12.325.807.594	11.140.855.430
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	a	118.547.086	120.746.426
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.985.168.600.052	1.837.891.122.900


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.401.266.277.396	1.415.747.458.812
I. Nợ ngắn hạn	310		1.299.461.694.986	1.317.852.535.134
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	95.275.205.042	110.750.749.077
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	47.295.736.723	22.296.168.034
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	7.635.648.529	1.887.907.966
4. Phải trả người lao động	314		10.138.476.039	4.411.817.138
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	579.460.595	671.416.932
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	508.757.769.094	507.729.687.313
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	627.051.513.380	667.376.903.090
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.727.885.584	2.727.885.584
II. Nợ dài hạn	330		101.804.582.410	97.894.923.678
1. Phải trả dài hạn khác	337	21	1.909.522.900	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22	99.895.059.510	97.894.923.678
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		583.902.322.656	422.143.664.088
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	583.902.322.656	422.143.664.088
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		380.694.500.000	280.694.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		380.694.500.000	280.694.500.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		60.125.420.714	60.283.587.273
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		2.294.024.276	2.294.024.276
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.410.274.952	10.410.274.952
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		89.238.568.278	32.097.911.258
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		4.028.461.258	11.051.466.501
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		85.210.107.020	21.046.444.757
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		41.139.534.436	36.363.366.329
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		1.985.168.600.052	1.837.891.122.900


Phạm Thị Dung
Người lập

Phạm Thị Dung
Kế toán trưởng

Vũ Huy Đông
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Thái Bình, ngày 25 tháng 01 năm 2022


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT


Năm 2021

MẪU SỐ B 02-DN

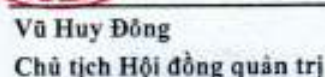
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	1.513.151.486.160	1.339.290.824.043
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	-	280.361.045
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		1.513.151.486.160	1.339.010.462.998
4. Giá vốn hàng bán	11	27	1.335.818.060.189	1.275.630.164.404
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		177.333.425.971	63.380.298.594
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	29.020.606.836	28.587.314.157
7. Chi phí tài chính	22	29	41.407.141.325	45.854.956.567
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		35.825.605.754	43.714.386.521
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		999.950.653	757.801.119
9. Chi phí bán hàng	25	30	17.070.613.409	10.750.545.937
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	39.298.688.073	22.383.338.041
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		109.577.540.653	13.736.573.325
12. Thu nhập khác	31	32	6.701.532.336	16.110.128.564
13. Chi phí khác	32	33	2.672.428.702	1.746.102.203
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		4.029.103.634	14.364.026.361
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		113.606.644.287	28.100.599.686
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	34	13.118.169.820	3.672.262.792
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	c	2.199.340	(14.079.760)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		100.486.275.127	24.442.416.654
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm	61		85.210.107.020	21.046.444.757
20. soát	62		15.276.168.107	3.395.971.897
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	2.952	750


 Phạm Thị Dung
 Người lập


 Phạm Thị Dung
 Kế toán trưởng




 Vũ Huy Đông
 Chủ tịch Hội đồng quản trị

Thái Bình, ngày 25 tháng 01 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2021
 (Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN
 Đơn vị: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		113.606.644.287	28.100.599.686
6. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		59.839.699.048	51.872.177.354
- Các khoản dự phòng	03		6.313.388.763	2.264.379.900
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		3.057.484.225	583.914.080
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(30.246.677.771)	(57.940.120.617)
- Chi phí lãi vay	06		35.825.605.754	43.714.386.521
14 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		188.396.144.306	68.595.336.924
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		62.947.599.253	(38.317.014.107)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(93.032.002.460)	(87.081.254.340)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		17.550.526.009	104.948.705.387
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.310.904.164)	(1.801.857.708)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(1.500.000.000)	(15.810.000.000)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(35.978.775.474)	(43.855.366.492)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(11.921.453.647)	(2.612.692.426)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(2.442.781.637)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		125.151.133.823	(18.376.924.399)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(16.694.714.426)	(2.390.118.073)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		11.660.509.118	22.573.839.091
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(223.219.293.155)	(126.467.338.077)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		246.078.754.858	113.038.276.823
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(106.300.000.000)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		28.561.700.577	44.624.643.479
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(59.913.043.028)	51.379.303.243

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2021
(Theo phương pháp gián tiếp)


MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		99.841.833.441	-
2. Tiền thu từ đi vay	33		1.740.851.688.161	1.794.355.539.328
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.782.234.317.518)	(1.820.025.192.206)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(33.319.450.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		25.139.754.084	(25.669.652.878)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		90.377.844.879	7.332.725.966
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		36.513.085.599	29.459.908.057
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(108.746)	(279.548.424)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	5	126.890.821.732	36.513.085.599


Phạm Thị Dung
Người lập


Phạm Thị Dung
Kế toán trưởng




Vũ Huy Đông
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Thái Bình, ngày 25 tháng 01 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần DamSan được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 1000389853 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 12 tháng 6 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 380.694.500.000 đồng, vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 380.694.500.000 đồng; tương đương 38.069.450 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất sợi, vải dệt thoi, hoàn thiện sản phẩm dệt;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép, chi tiết: bán buôn vải, hàng may sẵn;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu, chi tiết: bán buôn sợi dệt; bông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành dệt may;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, chi tiết: xây dựng công trình đường bộ; sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục);

Cấu trúc Tập đoàn**Tổng số công ty con:**

- Số lượng công ty con được hợp nhất: 01.
- Số lượng công ty con không được hợp nhất: 0.

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2021 bao gồm:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần sợi Eiffel	Thái Bình	80,00%	80,00%	Dệt sợi

Công ty có các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2021 bao gồm:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP - Viện nghiên cứu Dệt may	Hà Nội	30,00%	30,00%	Nghiên cứu sản xuất sợi
Công ty CP Đầu tư Thái Bình Cầu Ngân	Thái Bình	45,00%	45,00%	Xây dựng cầu, đường bộ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2 . KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỷ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuế tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành theo tỷ lệ sản phẩm hoàn thành tương đương.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 06 - 20 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 05 - 10 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 07 - 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 05 - 05 năm |

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy vi tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Phần mềm máy vi tính khấu hao trong 07 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Phần cơ sở hạ tầng tại Dự án Khu công nghiệp An Ninh huyện Tiền Hải được Công ty ghi nhận doanh thu một lần thì Công ty thực hiện trích khấu hao một lần vào giá vốn của dịch vụ cho thuê.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp bán hàng hóa bất động sản theo hình thức khách hàng tự hoàn thiện hoặc Công ty hoàn thiện theo yêu cầu của khách hàng thì được ghi doanh thu khi hoàn thành bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Đối với bất động sản phân lô bán nền đã chuyển giao nền đất cho khách hàng, Công ty được ghi nhận doanh thu với phần nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất;
- Công ty đã thu hoặc chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Doanh thu cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng

Công ty áp dụng quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp để ghi nhận doanh thu từ tiền cho thuê tài sản. Theo đó, đối với trường hợp thời gian cho thuê chiếm hơn 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, Công ty ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước nếu đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và doanh nghiệp cho thuê không có nghĩa vụ trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;
- Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản;
- Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê;
- Doanh nghiệp cho thuê phải ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.

Đồng thời, Công ty thực hiện trích khấu hao của bất động sản đầu tư một lần vào giá vốn của dịch vụ cho thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thương hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thương hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thương hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất có liên quan.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm

Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn bất động sản nếu có đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Chi trích trước đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng;
- Chi trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán cho phần bất động sản đã hoàn thành bán trong năm và đủ điều kiện ghi nhận doanh thu;
- Số chi phí trích trước và chi phí thực tế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán phải đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hóa bất động sản đã bán (được xác định theo diện tích).

Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Dự án nhà ở xã hội cho các hộ dân có thu nhập thấp theo hình thức hợp đồng xây dựng - chuyển giao chịu thuế suất thuế GTGT 5%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Ưu đãi thuế:

Công ty được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập phát sinh từ dự án Nhà máy DamSan I là thuế suất 15% áp dụng trong 12 năm, miễn thuế 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 07 năm tiếp theo. Thu nhập từ dự án Nhà máy DamSan II được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 17% áp dụng trong thời gian 10 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh, miễn thuế 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 03 năm tiếp theo. Thu nhập từ dự án xây dựng nhà thu nhập thấp được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10%. Năm 2021 là năm thứ 15 Công ty có lãi từ dự án nhà máy DamSan I và là năm thứ 11 Công ty có lãi từ dự án nhà máy DamSan II, thuế suất thuế TNDN áp dụng trong năm là 20%.

Công ty Cổ phần Sợi Eiffel được hưởng ưu đãi thuế đối với doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư trong khu công nghiệp do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập. Theo đó, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 02 năm và giảm 50% trong 04 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế, mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 17%. Năm 2021, Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong .

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành và cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSANLô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***5 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	310.548.647	826.404.076
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	126.495.273.085	35.601.681.523
Các khoản tương đương tiền	85.000.000	85.000.000
	126.890.821.732	36.513.085.599

Tại 31/12/2021, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng có giá trị 85.000.000 đồng được gửi tại ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam với lãi suất 3,3%/năm.

6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư ngắn hạn	241.926.234.299	241.926.234.299	305.580.686.011	305.580.686.011
Tiền gửi có kỳ hạn	241.926.234.299	241.926.234.299	305.580.686.011	305.580.686.011
	241.926.234.299	241.926.234.299	305.580.686.011	305.580.686.011

Ngân hàng	Kỳ hạn (Tháng)	Lãi suất năm (%)	Số tiền tại 31/12/2021
Ngân hàng NN&PTNTVN - CN Tây Đô	12-13 tháng	4,9%	21.112.149.200
Ngân hàng TMCP Đại Chúng - CN Thái Bình	12 tháng	6%	16.000.000.000
Ngân hàng HD Bank - CN Thái Bình	13 tháng	6,85%	1.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thái Bình	06-13 tháng	4,15% đến 5,1%	29.431.746.373
Ngân hàng TNHH Indovina - CN Hà Nội	13 tháng	5,4%	25.370.156.531
Ngân hàng TMCP Công Thương - CN Thái Bình	12 tháng	4,9%	15.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thái Bình	12-13 tháng	3,7% đến 4,9%	84.903.274.623
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Thái Bình	06-13 tháng	4,75%	18.300.000.000
Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội	13 tháng	6,1%	0
Ngân hàng TMCP Bắc Á - CN Thái Bình	13 tháng	6,85%	927.532.856
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - CN Thái Bình	06 - 13 tháng	5% đến 6,3%	23.881.374.716
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN Hà Nội	12 tháng	4,9%	6.000.000.000
Tổng cộng			241.926.234.299

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**b) Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2021			01/01/2021		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Tổng giá trị trái phiếu	30.000.000.000	30.000.000.000	-	28.500.000.000	28.500.000.000	-
Trái phiếu Ngân hàng TMCP BIDV	-	-	-	3.500.000.000	3.500.000.000	-
Trái phiếu Ngân hàng Vietinbank	5.000.000.000	5.000.000.000	-	5.000.000.000	5.000.000.000	-
Trái phiếu Ngân hàng Agribank	25.000.000.000	25.000.000.000	-	20.000.000.000	20.000.000.000	-
	30.000.000.000	30.000.000.000	-	28.500.000.000	28.500.000.000	-

Các khoản đầu tư trái phiếu nắm giữ với mục đích kinh doanh bao gồm:

- Trái phiếu do Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam phát hành: Số lượng trái phiếu: 25.000 trái phiếu; Mệnh giá 1.000.000 đồng/ trái phiếu; Kỳ hạn trái phiếu: 07 năm. Lãi trả 01 năm/ 1 lần với lãi suất năm: 6,9%/năm.
- Trái phiếu do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành: Số lượng trái phiếu: 500 trái phiếu; Mệnh giá 10.000.000 đồng/ trái phiếu; Ngày phát hành: 27/9/2019, kỳ hạn trái phiếu: 10 năm. Lãi trả 01 năm/ 1 lần với lãi suất: 8%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2021			01/01/2021		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	137.875.000.000		-	31.575.000.000		-
Công ty CP - Viện nghiên cứu Dệt may	31.575.000.000		-	31.575.000.000		-
Công ty CP Đầu tư Thái Bình Cầu Ngân	106.300.000.000		-	-		-
	137.875.000.000		-	31.575.000.000		-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2021 như sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP - Viện nghiên cứu Dệt may	Hà Nội	30%	30%	Sản xuất sợi, nghiên cứu phát triển ngành dệt may
Công ty CP Đầu tư Thái Bình Cầu Ngân	Thái Bình	45%	45%	Xây dựng cầu, đường bộ

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và công ty liên doanh, liên kết trong năm: xem chi tiết tại Thuyết minh số 40.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải thu khách hàng nước ngoài	40.745.571.999	27.121.418.868
Ning Bo Cimei Im&Ex Co.,Ltd	5.269.511.391	5.269.511.391
Kajun Co.,Ltd	1.480.862.490	-
Anhui light industries international Co.,Ltd	9.304.159.738	-
Xiamen ITG group corp.,Ltd	18.823.524.198	13.873.859.566
Ya Mai Chi Co.,Ltd	1.355.118.817	1.498.988.926
Zhejiang Textile Im&Ex Group Co.,Ltd	3.524.886.210	-
Changzhou Cloud Cloth Industry Co.,Ltd	-	2.820.679.441
Totsu Koeki Co.,Ltd	-	433.029.189
Các khoản phải thu khách hàng khác	987.509.155	3.225.350.355
Phải thu khách hàng trong nước	158.311.320.541	199.743.439.765
Công ty TNHH Dệt may Minh Thành Hà Nội	-	1.596.419.946
Công ty TNHH Sợi dệt Hợp Thành	-	7.247.278.076
Công ty CP Thương mại Đầu tư Thái Bình	4.129.983.749	-
Công ty TNHH Golf Long Hưng	42.699.438.547	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	33.470.652.739	20.604.076.221
Phải thu khách hàng mua bất động sản	78.011.245.506	170.295.665.522
	<u>199.056.892.540</u>	<u>226.864.858.633</u>
Phải thu khách hàng là các bên liên quan	<u>4.129.983.749</u>	<u>-</u>
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40.)</i>		

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Golf Long Hưng	58.226.299.355	-	164.177.930.010	-
Công ty CP Thương mại Đầu tư Thái Bình	542.053.809	-	10.914.685.809	-
Công ty TNHH Xây dựng Đức Dũng Thái	100.719.634.769	-	44.578.737.953	-
Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và phát triển AND	-	-	200.000.000	-
Công ty CP Công nghệ Xây dựng Hà Việt	-	-	5.082.026.375	-
Công ty CP kỹ thuật công nghệ Ecotek	-	-	2.000.000.000	-
Trii Union Management Co.,Ltd	700.337.056	-	667.446.475	-
Trả trước khác	19.288.406.743	10.466.373.561	18.913.726.488	9.804.522.682
	179.476.731.732	10.466.373.561	246.534.553.110	9.804.522.682

9 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Trung tâm Phát triển quỹ đất Thành phố Thái Bình ⁽¹⁾	53.598.156.191	51.658.416.182
+ Dự án Quang Trung	30.571.542.800	30.529.005.851
+ Dự án Phú Xuân	23.026.613.391	21.129.410.331
Ủy Ban nhân dân tỉnh Thái Bình ⁽²⁾	8.407.370.232	8.407.370.232
+ Dự án Lê Hồng Phong	1.777.265.728	1.777.265.728
+ Dự án Bỏ Xuyên	6.630.104.504	6.630.104.504
Các khoản cho vay ngắn hạn khác	48.034.731.647	9.179.481.647
	110.040.258.070	69.245.268.061

⁽¹⁾ Khoản tiền Công ty ứng cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất TP Thái Bình theo văn bản thỏa thuận về việc ứng tiền để giải phóng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng công trình khu nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp tại khu nhà 5 tầng tổ 39, 40 phường Quang Trung, TP Thái Bình và dự án khu dân cư Phú Xuân, TP Thái Bình.

⁽²⁾ Khoản tiền Công ty ứng cho Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình theo văn bản thỏa thuận về việc ứng tiền để giải phóng mặt bằng dự án đầu tư dự án khu dân cư Lê Hồng Phong, và dự án Bỏ Xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10 . PHẢI THU NGÁN HẠN KHÁC

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.288.671.659	-	12.277.493.508	-
Tạm ứng	23.058.856.631	-	18.721.426.324	-
Ký cược, ký quỹ	332.500.000	-	1.100.000.000	-
BQL các khu công nghiệp tỉnh Thái Bình	1.041.196.000	-	1.041.196.000	-
Trung tâm phát triển quỹ đất TP Thái Bình ⁽¹⁾	7.071.411.542	-	8.968.614.602	-
UBND Tỉnh Thái Bình ⁽²⁾	4.347.661.275	-	3.490.611.275	-
Sở Tài chính tỉnh Thái Bình ⁽³⁾	76.041.312.586	-	76.041.312.586	-
Phải thu khác	25.884.300.894	-	12.597.021.569	-
	145.065.910.587	-	134.237.675.864	-

⁽¹⁾ Lãi dự thu Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Thái Bình từ tiền ứng trước giải phóng mặt bằng khu nhà ở xã hội Quang Trung.

⁽²⁾ Lãi dự thu Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình từ tiền ứng trước giải phóng mặt bằng khu dân cư Phú Xuân, khu dân cư Bồ Xuyên và khu dân cư Lê Hồng Phong.

⁽³⁾ Tiền thu hộ theo QĐ số 4581/UBND-KT ngày 24/11/2017 về việc nộp toàn bộ số tiền thu được từ việc mở bán và cho thuê căn hộ tại dự án Khu nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp tổ 39, 40 phường Quang Trung, Thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÀU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11 . NỢ XẤU

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	30.042.996.740	10.633.262.944	16.547.280.823	3.570.370.118
<i>Ghulam Rabbani and Co</i>	833.194.874	-	833.194.874	-
<i>Sofeene enterprises</i>	761.021.813	-	761.021.813	-
<i>LGW Limited</i>	545.706.638	-	545.706.638	-
<i>Saurashtra cotton & Agro Products pvt., Ltd</i>	405.703.253	-	405.703.253	-
<i>Đối tượng khác</i>	27.497.370.162	10.633.262.944	14.001.654.245	3.570.370.118
	30.042.996.740	10.633.262.944	16.547.280.823	3.570.370.118

12 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	8.362.188.000	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	70.586.344.048	-	78.601.640.168	(119.434.328)
Công cụ, dụng cụ	8.120.759.288	-	6.688.279.690	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	407.430.127.922	-	364.402.480.857	-
Thành phẩm	31.878.363.777	-	20.285.033.544	-
Hàng hoá	41.942.148.653	-	977.571.100	-
Hàng gửi đi bán	109.205.879	-	4.088.250.218	-
	568.429.137.567	-	475.043.255.577	(119.434.328)

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12 . HÀNG TỒN KHO

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Dự án phát triển nhà ở khu dân cư xã Phú Xuân, TP Thái Bình	132.001.031.267	-	127.207.845.741	-
Dự án nhà ở xã hội, nhà ở thương mại Quang	53.045.802.250	-	53.542.732.640	-
Dự án liên kế khu Quang Trung	22.165.218.339	-	26.673.080.627	-
Dự án Bò Xuyên	8.937.294.254	-	6.936.411.455	-
Dự án VP Hồ Chí Minh	16.201.276.540	-	16.201.276.540	-
Chi phí thực hiện các dự án khác	3.583.124.164	-	3.709.605.044	-
Sản phẩm dở dang	171.496.381.108	-	130.131.528.810	-
	407.430.127.922	-	364.402.480.857	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2021	127.852.002.420	444.541.584.731	11.765.003.188	550.870.637	584.709.460.976
Mua sắm	-	1.063.793.736	-	47.718.182	1.111.511.918
Phân loại lại	(137.220.000)	137.220.000	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(26.130.819.223)	(593.954.545)	-	(26.724.773.768)
Tại ngày 31/12/2021	127.714.782.420	419.611.779.244	11.171.048.643	598.588.819	559.096.199.126
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2021	52.088.297.801	253.711.895.222	5.521.876.102	548.263.953	311.870.333.078
Trích khấu hao	7.269.247.389	36.658.063.435	1.188.635.355	6.688.055	45.122.634.234
Phân loại lại	57.833.942	(49.425.663)	(8.408.279)	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(21.151.661.059)	(586.402.634)	-	(21.738.063.693)
Tại ngày 31/12/2021	59.415.379.132	269.168.871.935	6.115.700.544	554.952.008	335.254.903.619
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2021	75.763.704.619	190.829.689.509	6.243.127.086	2.606.684	272.839.127.898
Tại ngày 31/12/2021	68.299.403.288	150.442.907.309	5.055.348.099	43.636.811	223.841.295.507

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2021	1.925.306.375	360.000.000	2.285.306.375
Tại ngày 31/12/2021	1.925.306.375	360.000.000	2.285.306.375
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2021	914.787.944	360.000.000	1.274.787.944
Trích khấu hao	96.265.320	-	96.265.320
Tại ngày 31/12/2021	1.011.053.264	360.000.000	1.371.053.264
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2021	1.010.518.431	-	1.010.518.431
Tại ngày 31/12/2021	914.253.111	-	914.253.111

15 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Cơ sở hạ tầng khu công nghiệp	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2021	-	-
Tăng do đã cho thuê trong năm	14.540.799.490	14.540.799.490
Tại ngày 31/12/2021	14.540.799.490	14.540.799.490
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2021	-	-
Trích khấu hao	14.540.799.490	14.540.799.490
Tại ngày 31/12/2021	14.540.799.490	14.540.799.490
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2021	-	-
Tại ngày 31/12/2021	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Bất động sản đầu tư được ghi nhận tăng trong năm tương ứng với phần diện tích đã đủ điều kiện ghi nhận doanh thu cho thuê trong năm đối với dự án Cụm Công nghiệp An Ninh, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình.

Phần cơ sở hạ tầng tại dự án khu công nghiệp mà Công ty ghi nhận doanh thu một lần được Công ty thực hiện trích khấu hao một lần vào giá vốn của dịch vụ cho thuê.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cần được trình bày. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chưa đánh giá lại giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư.

16 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn		
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	520.733.676	394.781.676
	<u>520.733.676</u>	<u>394.781.676</u>
b) Chi phí trả trước dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	9.924.610.416	10.141.294.124
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.401.197.178	999.561.306
	<u>12.325.807.594</u>	<u>11.140.855.430</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17 . PHẢI NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
Phải trả cho hoạt động sản xuất kinh doanh				
<i>Nhà cung cấp trong nước</i>				
Công ty CP Công nghệ Xây dựng Hà Việt	2.770.570.128	2.770.570.128	-	-
Công ty Cổ phần SHP dựng Đức Dũng Thái Bình	2.908.299.905	2.908.299.905	-	-
Công ty TNHH Golf Long Hưng	-	-	3.361.989.438	3.361.989.438
Phải trả người bán khác	20.721.531.423	20.721.531.423	1.985.515.888	1.985.515.888
<i>Nhà cung cấp nước ngoài</i>				
Ambica Cot Seeds Limited	14.872.031.690	14.872.031.690	20.541.249.479	20.541.249.479
Axita Exports Private Limited	-	-	-	-
Krishna Traders	9.695.217.441	9.695.217.441	44.141.336.689	44.141.336.689
Uday cotton industries	23.049.847.737	23.049.847.737	9.737.041.913	9.737.041.913
Textile enterprises limited	978.621.279	978.621.279	22.244.213.470	22.244.213.470
M/S Nakoda Enterprises	9.778.683.537	9.778.683.537	964.046.221	964.046.221
Phải trả người bán khác	4.032.440.178	4.032.440.178	-	-
Phải trả cho nhà thầu xây lắp				
Công ty CP Xây dựng GM	901.474.324	901.474.324	2.073.039.255	2.073.039.255
Công ty CP Xây dựng số 2	5.566.487.400	5.566.487.400	135.829.324	135.829.324
			5.566.487.400	5.566.487.400
	95.275.205.042	95.275.205.042	110.750.749.077	110.750.749.077

18 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Năng lượng xanh AD	30.000.000.000	-
Hunan Dong Xin Group Co.Ltd	7.983.939.474	7.983.939.474
Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	9.311.797.249	14.312.228.560
	47.295.736.723	22.296.168.034

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	2.000.000.000	-	42.848.561.742	36.245.581.727	-	4.602.980.015
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	544.294.287	-	755.518.474	230.515.738	19.291.551	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.763.945.535	13.118.169.820	11.921.453.647	-	2.960.661.708
Thuế Thu nhập cá nhân	-	123.962.431	1.841.207.846	1.893.163.471	-	72.006.806
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	317.851.540	324.983.044	7.131.504	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	12.626.339	12.626.339	-	-
	2.544.294.287	1.887.907.966	58.893.935.761	50.628.323.966	26.423.055	7.635.648.529

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MÃU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay	518.247.212	671.416.932
Chi phí phải trả khác	61.213.383	-
	579.460.595	671.416.932

21 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Phải trả ngắn hạn khác		
Kinh phí công đoàn	1.122.825.517	922.719.138
Bảo hiểm xã hội	15.367.989	15.295.605
Bảo hiểm y tế	28.637.022	30.107.279
Bảo hiểm thất nghiệp	7.615.996	7.645.808
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	1.876.260.180
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	11.507.750.000	6.257.750.000
Phải trả tiền đất và chi phí hạ tầng dự án KĐT Phú Xuân ⁽¹⁾	255.375.496.620	255.375.496.620
Phải trả tiền đất khu nhà ở liền kề khu Quang Trung ⁽²⁾	37.318.547.571	37.318.547.571
Phí bảo trì tòa nhà	3.150.754.067	3.371.903.616
Thu tiền ứng vốn dự án	193.953.808.596	160.812.615.686
Thu tiền hợp tác thực hiện Dự án BOT Cầu Nghìn	1.247.750.000	21.650.000.000
Phải trả khác	5.029.215.716	20.091.345.810
	508.757.769.094	507.729.687.313
b) Phải trả dài hạn khác		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.909.522.900	-
	1.909.522.900	-

⁽¹⁾ Phải trả tiền đất và chi phí hạ tầng dự án KĐT Phú Xuân theo Quyết định số 3202/QĐ-UBND của UBND tỉnh Thái Bình ngày 08/11/2016 và theo hướng dẫn của Tờ trình số 708/TTr-STC do Sở Tài chính gửi UBND tỉnh Thái Bình ngày 16/12/2016.

⁽²⁾ Phải trả tiền quyền sử dụng đất khu nhà ở Quang Trung đợt 1 theo Quyết định số 2966/QĐ-UBND của UBND tỉnh Thái Bình ngày 13/11/2017.

Hai khoản phải trả trên sẽ được thanh toán bù trừ (số tiền bù trừ chi tiết theo Thuyết minh số 10 mục i, ii, iii và Thuyết minh số 12 khoản chi phí xây dựng cơ bản dở dang công trình nhà ở xã hội Quang Trung khi công ty thực hiện quyết toán các khoản chi đầu tư của hợp đồng BT số 01/2015/HĐBT ngày 16/11/2015 giữa Công ty Cổ phần Damsan và UBND Thành phố Thái Bình.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2021		Trong năm		31/12/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	639.518.666.686	639.518.666.686	1.691.499.722.850	1.750.336.542.823	580.681.846.713	580.681.846.713
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	27.858.236.404	27.858.236.404	50.181.706.667	31.670.276.404	46.369.666.667	46.369.666.667
	667.376.903.090	667.376.903.090	1.741.681.429.517	1.782.006.819.227	627.051.513.380	627.051.513.380
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn						
Vay dài hạn	125.753.160.082	125.753.160.082	72.867.851.667	50.899.864.168	146.264.726.177	146.264.726.177
	125.753.160.082	125.753.160.082	72.867.851.667	50.899.864.168	146.264.726.177	146.264.726.177
Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	27.858.236.404	27.858.236.404	50.181.706.667	31.670.276.404	46.369.666.667	46.369.666.667
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	97.894.923.678	97.894.923.678			99.895.059.510	99.895.059.510

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn của Công ty:

	Loại tiền	31/12/2021	01/01/2021
		VND	VND
Vay ngắn hạn			
Ngân hàng NN&PTNT chi nhánh Tây Đô - Hà Nội	VND	48.133.603.242	100.678.815.643
Ngân hàng NN&PTNT chi nhánh Tây Đô - Hà Nội	USD	148.617.170.000	85.186.500.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Thái Bình	VND	106.105.652.491	111.486.126.083
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Thái Bình	USD	97.161.259.423	35.335.849.835
Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Thái Bình	USD	20.232.067.500	19.524.971.125
Ngân hàng TMCP MBBank - CN Thái Bình	USD	22.276.942.018	25.282.550.000
Ngân hàng TMCP Bắc Á - CN Thái Bình	USD	11.139.120.000	44.524.800.000
Ngân hàng TNHH INDOVINA	USD	46.942.920.000	29.810.760.000
Ngân hàng TMCP Đại Chúng VN - CN Thái Bình	USD	-	88.353.900.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Thái Bình	USD	28.398.450.000	20.343.260.000
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương - CN Thái Bình	USD	-	31.283.310.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN Hà Nội	USD	6.080.919.639	-
Chi nhánh Ngân hàng TMCP Quốc tế Tại Thái Bình	USD	45.593.742.400	44.689.874.000
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả			
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Thái Bình	USD	28.968.000.000	26.401.815.000
Ngân hàng NN&PTNT chi nhánh Tây Đô - Hà Nội	VND	16.521.666.667	-
Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam	VND	880.000.000	-
Ngân hàng TMCP MBBank - CN Thái Bình	USD	-	1.456.421.404
		627.051.513.380	667.376.903.090

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

Thông tin bổ sung các khoản vay ngắn hạn

STT	Ngân hàng/Hợp đồng	Hạn mức/ Số tiền vay	Lãi suất vay	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2021	Phương thức bảo đảm tiền vay
1	Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1462-LAV-202100241 ngày 14/04/2021	200.000.000.000	Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của từng thời kỳ	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC	Thời hạn cho vay tối đa không quá 6 tháng đối với từng lần giải ngân, thời hạn hợp đồng tới ngày 13/04/2022	196.750.773.242	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
2	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Thái Bình Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/2127123/HĐTD ngày 30 tháng 11 năm 2021	150.000.000.000	Lãi suất quy định trong mỗi khế ước nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Thời hạn cấp hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 30 tháng 10 năm 2022	100.362.463.613	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/7217771/HĐTD ngày 30/11/2021	125.000.000.000	Lãi suất quy định trong mỗi khế ước nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Thời hạn cấp hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng đến hết tháng 11 năm 2022	102.904.448.301	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
3	Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Thái Bình Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2021- HĐCVHM/NHCT360- DAMSAN ngày 15 tháng 06 năm 2021	20.000.000.000	Lãi suất quy định trong mỗi khế ước nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh bông sợi, khăn bông các loại.	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	20.232.067.500	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
4	Ngân hàng TMCP MBBank - CN Thái Bình Hợp đồng cấp tín dụng số 43350.21.755.1122640.TD ngày 30 tháng 08 năm 2021	100.000.000.000	Lãi suất quy định trong mỗi khế ước nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh bông sợi, khăn bông các loại.	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	22.276.942.018	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản

Thông tin bổ sung các khoản vay ngắn hạn (tiếp)

STT	Ngân hàng/Hợp đồng	Hạn mức/ Số tiền vay	Lãi suất vay	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2021	Phương thức bảo đảm tiền vay
5	Ngân hàng TNHH INDOVINA Hợp đồng tín dụng số 2034/IVB - HĐTD/2020 ký ngày 09 tháng 08 năm 2021	3.000.000USD	Lãi suất quy định trong mỗi khế ước nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	46.942.920.000	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
6	Ngân hàng TMCP Hàng Hải VN - CN Hà Nội Hợp đồng tín dụng số HAN149/2021/HĐTD ngày 16 tháng 09 năm 2021	70.000.000.000	Lãi suất quy định trong mỗi khế ước nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	6.080.919.639	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
7	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Thái Bình Hợp đồng tín dụng số 95/2021/HĐHM- PN/SHB,112600 ngày 19 tháng 04 năm 2021	200.000.000.000	Lãi suất quy định trong mỗi khế ước nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	28.398.450.000	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
8	Ngân hàng TMCP Bắc Á - CN Thái Bình Hợp đồng tín dụng số 157/2020/HĐTDBACABA NK,140 ngày 30 tháng 12 năm 2020	50.000.000.000	Lãi suất quy định trong mỗi khế ước nhận nợ cụ thể	Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh bằng sợi các loại, xây dựng dân dụng	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	11.139.120.000	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
9	Chi nhánh Ngân hàng TMCP Quốc tế Tại Thái Bình Hợp đồng tín dụng số 811987121 ngày 05 tháng 07 năm 2021	140.000.000.000	Lãi suất quy định trong mỗi khế ước nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm bông, sợi, khăn bông	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	45.593.742.400	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản

Thông tin bổ sung các khoản vay dài hạn và nợ dài hạn đến hạn trả

STT	Ngân hàng/Hợp đồng	Hạn mức/ Số tiền vay	Lãi suất vay	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2021	Phương thức bảo đảm tiền vay
1	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Thái Bình Hợp đồng tín dụng số 01/2015/7217771/HĐTD ngày 28/10/2015, phụ lục hợp đồng ngày 09/08/2017		Lãi suất cố định, lãi suất thả nổi theo văn bản nhận nợ của khách hàng với ngân hàng	Xây dựng nhà máy kéo sợi Eiffel	102 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	78.364.726.177	Tài sản hình thành từ vốn vay
2	Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô Hợp đồng tín dụng số 1462- LAV-202000861 ký ngày 26/11/2020		Lãi suất cố định, lãi suất thả nổi theo văn bản nhận nợ của khách hàng với ngân hàng	Thực hiện dự án khu công nghiệp An Ninh, Huyện Tiền Hải	Thời hạn vay 60 tháng	56.900.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
3	Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam Hợp đồng tín dụng đầu tư bảo vệ môi trường số 01- 21/TDĐT-QMT/EFL ký ngày 26/4/2021		Lãi suất cho vay là 2,6%/năm	Thanh toán chi phí thực hiện Dự án Nhà máy xử lý nước thải cụm Công nghiệp An	Thời hạn vay 7 năm kể từ ngày giải ngân	11.000.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Tổng cộng					146.264.726.177	

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Năm 2020							
Tại ngày 01/01/2020	255.178.010.000	60.283.587.273	2.294.024.276	10.174.889.750	36.960.265.171	38.217.394.432	403.108.170.902
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	-	21.046.444.757	3.395.971.897	24.442.416.654
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	235.385.202	(235.385.202)	-	-
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	25.516.490.000	-	-	-	(25.516.490.000)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(156.923.468)	-	(156.923.468)
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	(5.250.000.000)	(5.250.000.000)
Tại ngày 31/12/2020	280.694.500.000	60.283.587.273	2.294.024.276	10.410.274.952	32.097.911.258	36.363.366.329	422.143.664.088
Năm 2021							
Tại ngày 01/01/2021	280.694.500.000	60.283.587.273	2.294.024.276	10.410.274.952	32.097.911.258	36.363.366.329	422.143.664.088
Tăng vốn trong năm nay	100.000.000.000	(158.166.559)	-	-	-	-	99.841.833.441
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	-	-	85.210.107.020	15.276.168.107	100.486.275.127
Chia cổ tức	-	-	-	-	(28.069.450.000)	(10.500.000.000)	(38.569.450.000)
Tại ngày 31/12/2021	380.694.500.000	60.125.420.714	2.294.024.276	10.410.274.952	89.238.568.278	41.139.534.436	583.902.322.656

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	31/12/2021	Tỷ lệ	01/01/2021
	(%)	VND	(%)	VND
Vốn góp của các cổ đông	100%	380.694.500.000	100,0%	280.694.500.000
	100%	380.694.500.000	100%	280.694.500.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	380.694.500.000	280.694.500.000
- Vốn góp đầu năm	280.694.500.000	255.178.010.000
- Vốn góp tăng trong năm	100.000.000.000	25.516.490.000
- Vốn góp cuối năm	380.694.500.000	280.694.500.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	38.069.450	28.069.450
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	38.069.450	28.069.450
- Cổ phiếu phổ thông	38.069.450	28.069.450
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	38.069.450	28.069.450
- Cổ phiếu phổ thông	38.069.450	28.069.450
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	10.410.274.952	10.410.274.952
	10.410.274.952	10.410.274.952

24 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Ngoại tệ các loại**

	31/12/2021	01/01/2021
Đồng đô la Mỹ (USD)	57.235,05	1.098.219,92
Đồng Euro (EUR)	101,60	101,60

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25 . DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	1.442.378.946.752	1.250.128.536.664
Doanh thu cung cấp dịch vụ	21.726.809.110	5.823.997.452
Doanh thu kinh doanh bất động sản	41.898.174.673	82.383.993.153
Doanh thu khác	7.147.555.625	954.296.774
	1.513.151.486.160	1.339.290.824.043
Doanh thu đối với các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40.)</i>	201.077.412.830	343.653.913.952

26 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	-	280.361.045
	-	280.361.045

27 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	1.298.505.915.185	1.207.846.871.211
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6.423.914.243	7.301.624.580
Giá vốn kinh doanh bất động sản	30.888.230.761	60.362.234.285
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	119.434.328
	1.335.818.060.189	1.275.630.164.404

28 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	23.572.878.728	28.197.030.307
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	4.957.177.644	300.795.640
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	490.550.464	89.067.766
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	420.444
	29.020.606.836	28.587.314.157

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSANLô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***29 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	35.825.605.754	43.714.386.521
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.006.638.981	1.467.219.294
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	3.548.034.689	672.981.846
Chi phí tài chính khác	26.861.901	368.906
	41.407.141.325	45.854.956.567

30 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nhân công	601.597.331	538.879.276
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.862.593.967	10.143.360.418
Chi phí khác bằng tiền	606.422.111	68.306.243
	17.070.613.409	10.750.545.937

31 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	7.634.400	-
Chi phí nhân công	14.789.148.389	5.917.907.803
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.528.113.851	1.958.201.125
Thuế, phí, lệ phí	-	186.810.561
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	6.432.823.091	2.144.945.572
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.540.968.342	12.175.472.980
	39.298.688.073	22.383.338.041

32 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	6.673.799.043	15.743.090.310
Thu nhập khác	27.733.293	367.038.254
	6.701.532.336	16.110.128.564

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***33 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Các khoản bị phạt, chi phí không hợp lý hợp lệ	955.157.631	953.375.110
Chi phí khác	1.717.271.071	792.727.093
	2.672.428.702	1.746.102.203

34 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	13.118.169.820	3.672.262.792
	13.118.169.820	3.672.262.792

35 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	85.210.107.020	21.046.444.757
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	85.210.107.020	21.046.444.757
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	28.866.153	28.069.450
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.952	750

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

36 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	761.707.790.521	582.325.629.248
Chi phí nhân công	69.126.277.055	55.658.026.431
Chi phí khấu hao tài sản cố định	59.759.699.044	51.952.177.358
Chi phí dịch vụ mua ngoài	117.862.108.932	101.398.854.933
Chi phí khác bằng tiền	2.511.174.185	542.610.836
	1.010.967.049.737	791.877.298.806

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

37 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị số kế toán			
	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	126.890.821.732	-	36.513.085.599	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	344.122.803.127	(19.409.733.796)	361.102.534.497	(12.976.910.705)
Các khoản cho vay	110.040.258.070	-	69.245.268.061	-
Đầu tư ngắn hạn	271.926.234.299	-	334.080.686.011	-
	852.980.117.228	(19.409.733.796)	800.941.574.168	(12.976.910.705)

	Giá trị số kế toán	
	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	726.946.572.890	765.271.826.768
Phải trả người bán, phải trả khác	605.942.497.036	618.480.436.390
Chi phí phải trả	579.460.595	671.416.932
	1.333.468.530.521	1.384.423.680.090

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	126.890.821.732	-	-	126.890.821.732
Phải thu khách hàng, phải thu khác	324.713.069.331	-	-	324.713.069.331
Các khoản cho vay	110.040.258.070	-	-	110.040.258.070
Đầu tư ngắn hạn	271.926.234.299	-	-	271.926.234.299
	833.570.383.432	-	-	833.570.383.432
Tại ngày 01/01/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	36.513.085.599	-	-	36.513.085.599
Phải thu khách hàng, phải thu khác	348.125.623.792	-	-	348.125.623.792
Các khoản cho vay	69.245.268.061	-	-	69.245.268.061
Đầu tư ngắn hạn	334.080.686.011	-	-	334.080.686.011
	787.964.663.463	-	-	787.964.663.463

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021				
Vay và nợ	627.051.513.380	99.895.059.510	-	726.946.572.890
Phải trả người bán, phải trả khác	604.032.974.136	-	1.909.522.900	605.942.497.036
Chi phí phải trả	579.460.595	-	-	579.460.595
	1.231.663.948.111	99.895.059.510	1.909.522.900	1.333.468.530.521
Tại ngày 01/01/2021				
Vay và nợ	667.376.903.090	97.894.923.678	-	765.271.826.768
Phải trả người bán, phải trả khác	618.480.436.390	-	-	618.480.436.390
Chi phí phải trả	671.416.932	-	-	671.416.932
	1.286.528.756.412	97.894.923.678	-	1.384.423.680.090

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

38 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

39 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hoạt động kinh doanh Bông	Hoạt động kinh doanh Sợi	Hoạt động kinh doanh Khăn	Hoạt động kinh doanh bất động sản	Hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	152.373.060.280	1.014.466.609.421	221.595.661.281	41.898.174.673	82.817.980.505	1.513.151.486.160
Chi phí bộ phận trực tiếp	147.873.119.274	872.561.468.478	214.241.397.130	30.888.230.761	70.253.844.546	1.335.818.060.189
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.499.941.006	141.905.140.943	7.354.264.151	11.009.943.912	12.564.135.959	177.333.425.971

Theo khu vực địa lý

	Trong nước	Nước ngoài	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	689.097.489.961	824.053.996.199	1.513.151.486.160
Tổng chi phí mua TSCĐ	1.111.511.918	-	1.111.511.918
Tài sản bộ phận	1.943.722.690.997	41.445.909.055	1.985.168.600.052
Nợ phải trả bộ phận	1.354.710.088.503	46.556.188.893	1.401.266.277.396

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Chờ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

40 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			
Công ty Cổ phần Dệt may Đông Phong (tên cũ là Công ty TNHH Đông Phong)	Cùng chung người quản lý chủ chốt	10.835.086.140	15.891.297.435
Công ty TNHH Golf Long Hưng (tên cũ là Công ty TNHH Thương mại và đầu tư xây dựng ACC)	Cùng chung người quản lý chủ chốt	140.456.785.042	327.433.603.303
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại HT Vina	Cùng chung người quản lý chủ chốt	49.785.541.648	329.013.214
Mua hàng hóa, dịch vụ			
Công ty Cổ phần Dệt may Đông Phong (tên cũ là Công ty TNHH Đông Phong)	Cùng chung người quản lý chủ chốt	16.544.390.329	41.325.572.703
Công ty TNHH Golf Long Hưng (tên cũ là Công ty TNHH Thương mại và đầu tư xây dựng ACC)	Cùng chung người quản lý chủ chốt	161.566.878.430	409.570.796.281
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại HT Vina	Cùng chung người quản lý chủ chốt	69.787.572.458	13.187.724.462

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Mối quan hệ	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải thu khách hàng			
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại HT Vina	Cùng chung người quản lý chủ chốt	4.129.983.749	-
Ứng trước cho nhà cung cấp			
Công ty TNHH Golf Long Hưng (tên cũ là Công ty TNHH Thương mại và đầu tư xây dựng ACC)	Cùng chung người quản lý chủ chốt	58.226.299.355	164.177.930.010
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại HT Vina	Cùng chung người quản lý chủ chốt	-	1.519.663.138

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Phải thu khác

Công ty Cổ phần Dệt may Đông Phong (tên cũ là Công ty TNHH Đông Phong)	Cùng chung người quản lý chủ chốt	76.306.182	76.306.182
Công ty TNHH Golf Long Hưng (tên cũ là Công ty TNHH Thương mại và đầu tư xây dựng ACC)	Cùng chung người quản lý chủ chốt	178.000.000	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại HT Vina	Cùng chung người quản lý chủ chốt	4.918.410	-

Phải thu về cho vay

Công ty Cổ phần Dệt may Đông Phong (tên cũ là Công ty TNHH Đông Phong)	Cùng chung người quản lý chủ chốt	90.000.000	90.000.000
--	-----------------------------------	------------	------------

Phải trả người bán

Công ty Cổ phần Dệt may Đông Phong (tên cũ là Công ty TNHH Đông Phong)	Cùng chung người quản lý chủ chốt	4.900.879.950	2.793.325.617
--	-----------------------------------	---------------	---------------

Người mua trả tiền trước

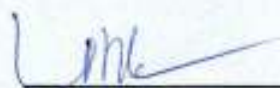
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại HT Vina	Cùng chung người quản lý chủ chốt	-	1.235.467.529
---	-----------------------------------	---	---------------

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu nhập của Ban Điều hành và Hội đồng Quản trị	2.859.379.132	2.184.957.536
Vũ Huy Đông	640.768.887	639.382.703
Nguyễn Lê Hùng	84.000.000	104.000.000
Đỗ Văn Khôi	140.000.000	140.000.000
Lê Văn Tuấn	84.000.000	104.000.000
Vũ Huy Đức	480.113.316	315.950.000
Vũ Phương Diệp	451.357.449	353.682.525
Phạm Văn Thương	84.000.000	104.000.000
Vương Quốc Dương	442.520.912	212.692.308
Lê Xuân Chiến	452.618.568	211.250.000

41 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.



Phạm Thị Dung
Người lập



Phạm Thị Dung
Kế toán trưởng



Vũ Huy Đông
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Thái Bình, ngày 25 tháng 01 năm 2022